

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **198/2018/QĐST-HNGĐ**

Định Q, ngày 13 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết D** - sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Đ

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 383, tổ 7, khu phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh **Cao Thọ H** - sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 19, tổ 1, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết D và bị đơn anh Cao Thọ H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Cao Nguyễn Hoàng N – sinh ngày 22/02/2003 và cháu Cao Nguyễn Hoàng L – sinh ngày 08/4/2007 cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, tổng cộng là 2.000.000đ/ 02 con chung/ 01 tháng thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/8/2018 cho đến khi cháu N và cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chị D và anh H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ chị D tự nguyện chịu. Số tiền tạm ứng án phí còn lại về việc ly hôn là 300.000đ mà chị D đã nộp theo biên lai số 004935 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được đối trừ án phí 300.000 đồng. Chị D đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự ;
- VKSND huyện Q;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Hòa